



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NAM VIỆT**



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 40
8. Phụ lục	41

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 05 tháng 9 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Doãn Tới	299.500.000.000	45,38
Ông Doãn Chí Thanh	90.000.000.000	13,64
Ông Nguyễn Duy Nhứt	100.000.000	0,01
Các cổ đông khác	270.400.000.000	40,97
Cộng	660.000.000.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 20 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là ANV.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
 Điện thoại : (84-76) 3834060
 Fax : (84-76) 3834054
 E-mail : namvietagg@hcm.vnn.vn
 Mã số thuế : 1600168736

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản – chi nhánh Công ty cổ phần Nam Việt	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Sản xuất keo Gentiline và Glycerin;



- Mua bán cá, thủy sản;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm...);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Mua bán kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Lắp đặt hệ thống điện.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Lợi nhuận kỳ này của Công ty giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do chi phí vận chuyển tăng và doanh thu hoạt động tài chính giảm.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 41).

Trong kỳ, Công ty đã chia cổ tức năm 2012 theo Nghị quyết họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 ngày 25 tháng 5 năm 2013 với số tiền là 59.044.725.000 VND.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Chủ tịch	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Chủ tịch	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Doãn Chí Thanh	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Bảy	Trưởng ban	29 tháng 5 năm 2013	-
Ông Trần Ngọc Hiến	Thành viên	11 tháng 6 năm 2012	-
Ông Lương Văn Hữu	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	17 tháng 1 năm 2013
Ông Bùi Thiện Khánh	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	15 tháng 8 năm 2006	-
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	27 tháng 7 năm 2007	-
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Tổng Giám đốc	09 tháng 10 năm 2008	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	03 tháng 8 năm 2011	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

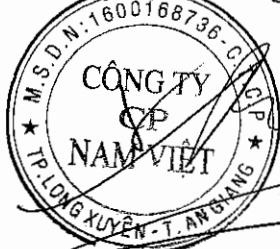
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nam Việt tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Đoàn Tới
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 8 năm 2013





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 1-3 Song Day St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0745/2013/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013.
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần Nam Việt gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 26 tháng 8 năm 2013, từ trang 06 đến trang 41 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khả - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0327-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.731.659.776.076	1.506.863.793.140
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	60.342.236.285	74.233.923.639
1. Tiền	111		60.342.236.285	57.985.523.639
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	16.248.400.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		63.175.315.953	9.160.587.953
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	63.175.315.953	9.160.587.953
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		796.446.589.506	621.358.091.615
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	619.070.282.977	489.420.926.988
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	101.525.492.624	65.332.288.562
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	148.794.357.353	133.814.279.692
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(72.943.543.448)	(67.209.403.627)
IV. Hàng tồn kho	140		780.437.026.005	768.373.596.185
1. Hàng tồn kho	141	V.7	783.519.272.530	772.654.408.221
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(3.082.246.525)	(4.280.812.036)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.258.608.327	33.737.593.748
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	2.098.286.516	1.530.873.244
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.132.979.797	25.131.923.607
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	17.027.342.014	7.074.796.897

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		847.303.354.812	825.929.052.555
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		372.900.235.537	371.262.234.752
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	85.348.983.072	95.406.822.515
<i>Nguyên giá</i>	222		297.001.327.566	301.699.389.969
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(211.652.344.494)	(206.292.567.454)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	65.746.420.736	35.715.458.314
<i>Nguyên giá</i>	225		71.395.564.780	36.781.113.206
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(5.649.144.044)	(1.065.654.892)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	108.751.604.562	109.074.847.561
<i>Nguyên giá</i>	228		109.265.950.893	109.348.288.893
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(514.346.331)	(273.441.332)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	113.053.227.167	131.065.106.362
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		456.059.073.036	439.949.550.168
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	39.499.104.000	39.499.104.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	179.925.000.000	159.612.500.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	244.504.000.000	244.504.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	(7.869.030.964)	(3.666.053.832)
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.344.046.239	14.717.267.635
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	14.830.180.160	12.968.867.635
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	3.513.866.079	1.748.400.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.578.963.130.888	2.332.792.845.695

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.281.558.258.558	973.626.978.179
I. Nợ ngắn hạn	310		1.241.799.905.539	956.842.252.481
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	938.997.153.513	768.664.956.430
2. Phải trả người bán	312	V.22	180.729.669.654	114.977.988.735
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	25.372.392.331	13.020.949.263
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	1.930.218.843	1.365.460.208
5. Phải trả người lao động	315	V.25	10.580.438.024	12.580.218.894
6. Chi phí phải trả	316	V.26	3.053.934.766	1.057.545.841
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.27	79.043.909.962	41.929.782.035
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.28	2.092.188.446	3.245.351.075
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		39.758.353.019	16.784.725.698
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.29	39.758.353.019	16.784.725.698
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.297.404.872.330	1.359.165.867.516
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.297.404.872.330	1.359.165.867.516
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	660.000.000.000	660.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	611.965.459.100	611.965.459.100
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.30	(27.417.629.848)	(27.417.629.848)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	52.857.043.078	114.618.038.264
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.578.963.130.888	2.332.792.845.695

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

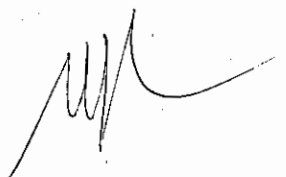
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013


Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

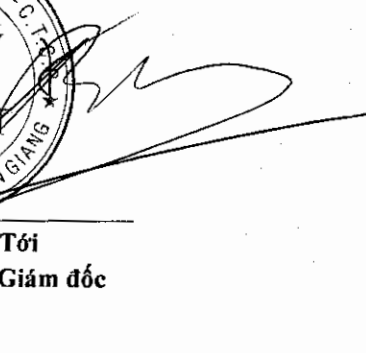
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		23.771.221.296	23.771.221.296
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		2.017.588,93	1.734.764,47
Euro (EUR)		1.643,73	1.648,92
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

An Giang, ngày 26 tháng 8 năm 2013


Trần Thị Quý
Người lập biểu


Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng


Doãn Tới
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

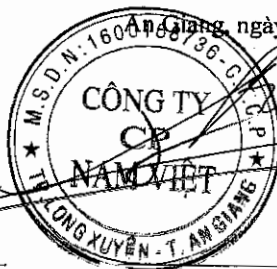
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.162.847.876.048	733.055.465.186
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	4.376.570.881	6.780.690.455
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.158.471.305.167	726.274.774.731
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.036.815.381.875	628.630.011.538
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		121.655.923.292	97.644.763.193
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.674.754.406	47.479.454.317
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	38.007.618.708	26.812.484.822
Trong đó: chi phí lãi vay	23		32.590.152.789	27.620.021.091
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	75.053.985.809	40.671.548.206
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	25.644.209.840	16.327.458.151
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.375.136.659)	61.312.726.331
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.824.600.917	4.175.596.967
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.165.734.444	5.553.067.925
13. Lợi nhuận khác	40		658.866.473	(1.377.476.958)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.716.270.186)	59.935.256.273
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.716.270.186)	59.935.256.273
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-

Trần Thị Quý
Người lập biểu

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng

Đoàn Tới
Tổng Giám đốc



An Giang, ngày 26 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.716.270.186)	59.935.256.273
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12, V.13	13.052.048.621	9.920.756.824
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8, V.18	8.738.551.442	6.203.079.231
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	1.089.081.155	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(10.607.032.043)	(45.640.637.670)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	32.590.152.789	27.620.021.091
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		42.146.531.778	58.038.475.749
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(171.355.642.381)	311.817.607.269
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.864.864.309)	(144.228.181.022)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		96.842.944.471	(328.688.436.502)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(950.916.918)	(7.490.319.983)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.26, VI.4	(32.205.661.206)	(27.713.421.810)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		353.685.267	2.952.062.019
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(13.765.673.960)	(2.217.339.823)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(89.799.597.258)	(137.529.554.103)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.14, VII	(20.262.146.456)	(80.085.279.942)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.270.909.090
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(69.975.280.000)	(50.531.400.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		15.960.552.000	193.474.869.119
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.16	(20.312.500.000)	(92.025.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	4.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	17.529.716.584	51.849.085.289
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(77.059.657.872)	27.953.183.556

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.21	1.776.892.269.655	1.113.462.905.898
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.21	(1.619.684.827.906)	(1.017.726.897.858)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	V.21	(4.741.478.398)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.30	(9.000.000)	(58.926.978.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		152.456.963.351	36.809.029.340
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(14.402.291.779)	(72.767.341.207)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	74.233.923.639	140.080.363.330
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		510.604.425	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	60.342.236.285	67.313.022.123

Trần Thị Quý
Người lập biểu

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng



Đoàn Tới
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 3.048 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 2.404 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Lợi nhuận kỳ này của Công ty giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do chi phí vận chuyển tăng và doanh thu hoạt động tài chính giảm.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 - 09

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất có thời hạn khấu hao theo thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.815 VND/USD
30/6/2013 : 21.134 VND/USD

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.148.585.072	1.336.835.588
Tiền gửi ngân hàng	59.193.651.213	56.648.688.051
Các khoản tương đương tiền (*)	-	16.248.400.000
Cộng	60.342.236.285	74.233.923.639

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho các cá nhân vay	733.930.340	779.930.340
Cho Công ty TNHH Đại Tây Dương vay	-	450.000.000
Cho Công ty TNHH thủy sản Biển Đông vay (*)	5.813.384.000	1.907.656.000
Cho Công ty cổ phần cromit Nam Việt vay (*)	56.628.001.613	6.023.001.613
Cộng	63.175.315.953	9.160.587.953

(*) Thời hạn cho vay từ 6 tháng đến 12 tháng. Lãi suất vay 0% (có thể điều chỉnh).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng nước ngoài	238.601.362.387	263.713.508.716
Các khách hàng trong nước	52.005.930.591	52.039.318.831
Các khách hàng là các Công ty có liên quan	328.462.989.999	173.668.099.441
Cộng	619.070.282.977	489.420.926.988

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp nước ngoài	600.974.134	-
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	96.183.290.067	57.193.168.497
Các nhà cung cấp trong nước khác	4.741.228.423	8.139.120.065
Cộng	101.525.492.624	65.332.288.562

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	-	5.502.097
Lãi cho vay	11.660.787.206	6.976.163.708
Phải thu Công ty cổ phần Ba Long_ Chi hộ cước vận chuyển	69.435.270	69.435.270
Tiền, vật tư cho mượn	114.363.781.662	122.396.824.444
Các khoản phải thu khác	22.700.353.215	4.366.354.173
Cộng	148.794.357.353	133.814.279.692

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	179.972.665	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.749.950.960	1.011.811.243
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.438.848.100	8.024.016.111
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	69.574.771.723	58.173.576.273
Cộng	72.943.543.448	67.209.403.627

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	67.209.403.627
Trích lập dự phòng bổ sung	5.734.139.821
Số cuối kỳ	72.943.543.448

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	21.572.766.912	16.931.035.809
Nguyên liệu, vật liệu	82.343.848.744	35.854.060.482
Công cụ, dụng cụ	2.324.883.340	1.440.084.661
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	424.612.733.685	441.113.613.383
Thành phẩm	241.643.438.958	247.203.779.271
Hàng hóa	-	16.435.958.851
Hàng gửi đi bán	11.021.600.891	13.675.875.764
Cộng	783.519.272.530	772.654.408.221



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	4.280.812.036
Hoàn nhập dự phòng	(1.198.565.511)
Số cuối kỳ	3.082.246.525

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	243.333.333	533.333.333
Công cụ dụng cụ	1.042.407.926	601.571.162
Chi phí sửa chữa	213.707.661	206.318.749
Chi phí khác	598.837.596	189.650.000
Cộng	2.098.286.516	1.530.873.244

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	6.180.296.762	6.721.111.630
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.847.045.252	353.685.267
Cộng	17.027.342.014	7.074.796.897

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	101.953.848.127	174.424.680.143	17.009.340.864	8.311.520.835	301.699.389.969
Mua sắm mới	-	5.612.740.187	699.444.786	42.700.000	6.354.884.973
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	19.993.293.372	5.031.831.400	999.727.735	-	26.024.852.507
Phân loại lại sang tài sản thuê tài chính	-	(28.490.930.000)	-	-	(28.490.930.000)
Bán và thuê lại tài chính	-	(4.593.741.672)	-	-	(4.593.741.672)
Kết chuyển sang công cụ dụng cụ	(49.001.400)	(1.652.462.315)	(355.469.239)	(1.936.195.257)	(3.993.128.211)
Số cuối kỳ	121.898.140.099	150.332.117.743	18.353.044.146	6.418.025.578	297.001.327.566
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.446.281.891	58.401.017.007	10.057.776.468	5.155.227.214	82.060.302.580
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	64.481.882.246	121.643.969.452	12.948.005.015	7.218.710.741	206.292.567.454
Khấu hao trong kỳ (*)	2.841.407.798	5.436.334.672	806.975.610	258.397.488	9.343.115.568
Phân loại lại sang tài sản thuê tài chính	-	(1.130.898.510)	-	-	(1.130.898.510)
Bán và thuê lại tài chính	-	(270.220.098)	-	-	(270.220.098)
Kết chuyển sang công cụ dụng cụ	(9.187.763)	(1.068.921.050)	(210.830.347)	(1.293.280.760)	(2.582.219.920)
Số cuối kỳ	67.314.102.281	124.610.264.466	13.544.150.278	6.183.827.469	211.652.344.494

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	37.471.965.881	52.780.710.691	4.061.335.849	1.092.810.094	95.406.822.515
Số cuối kỳ	54.584.037.818	25.721.853.277	4.808.893.868	234.198.109	85.348.983.072
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời không sử dụng	-	954.532.063	624.312.814	-	1.578.844.877
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

(*) Trong đó, khấu hao của các tài sản cố định hữu hình hạch toán vào chi phí khác là 1.111.222.681 VND.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 57.501.409.454 VND và 1.272.289.638 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của các Ngân hàng.

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	36.781.113.206	1.065.654.892	35.715.458.314
Thuê tài chính trong kỳ	6.123.521.574	3.452.590.642	
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	28.490.930.000	1.130.898.510	
Số cuối kỳ	71.395.564.780	5.649.144.044	65.746.420.736

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	108.856.719.893	491.569.000	109.348.288.893
Kết chuyển sang phân bổ	-	(82.338.000)	(82.338.000)
Số cuối kỳ	108.856.719.893	409.231.000	109.265.950.893
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	88.803.500	88.803.500
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	273.441.332	273.441.332
Khấu hao trong kỳ	222.085.331	34.257.080	256.342.411
Kết chuyển sang phân bổ	-	(15.437.412)	(15.437.412)
Số cuối kỳ	222.085.331	292.261.000	514.346.331
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	108.856.719.893	218.127.668	109.074.847.561
Số cuối kỳ	108.634.634.562	116.970.000	108.751.604.562
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Một số quyền sử dụng đất có nguyên giá 87.386.289.837 VND, thời gian sử dụng lâu dài đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang và Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Bắc An Giang.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ	Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	988.000.462	11.727.273	(999.727.735)	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	129.640.900.185	11.754.609.912	(25.025.124.772)	(3.317.158.158)	113.053.227.167
Dự án các khu nuôi trồng thủy sản	97.205.750.491	928.179.005	-	-	98.133.929.496
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	21.582.781.586	9.600.405.422	(16.313.581.449)	(1.881.322.728)	12.988.282.831
Nhà máy chế biến thức ăn	10.852.368.108	1.226.025.485	(8.711.543.323)	(1.435.835.430)	1.931.014.840
Sửa chữa nhà máy Thái Bình Dương	436.205.715	176.587.354		(612.793.069)	-
Cộng	131.065.106.362	11.942.924.539	(26.024.852.507)	(3.929.951.227)	113.053.227.167

15. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương ^(a)	36.000.000.000	36.000.000.000
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông ^(b)	3.499.104.000	3.499.104.000
Cộng	39.499.104.000	39.499.104.000

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5704000012 ngày 26 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 521022000154 chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 10 năm 2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH thủy sản Biển Đông 4.824.000.000 VND, tương đương 90,91% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đầu tư vào Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300265969 ngày 18 tháng 02 năm 2009, thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem 607.500.000.000 VND, tương đương 40,5% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư thêm 20.312.500.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 17.452.500 cổ phiếu, tương đương 11,64% vốn điều lệ của Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem (số đầu năm là 15.421.250 cổ phiếu, tương đương 10,28%). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem là 432.975.000.000 VND.

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		188.200.000.000		188.200.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Mê Kông (MDB)	6.750.000	135.000.000.000	6.750.000	135.000.000.000
Công ty cổ phần bảo hiểm Hàng Không	4.000.000	43.200.000.000	4.000.000	43.200.000.000
Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác		56.304.000.000		56.304.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt	200	20.000.000.000	200	20.000.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ Hùng Việt	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Công ty cổ phần cromit Cổ Định Thanh Hóa	-	20.304.000.000	-	20.304.000.000
Công ty cổ phần cromit Nam Việt	1.100.000	11.000.000.000	1.100.000	11.000.000.000
Cộng		244.504.000.000		244.504.000.000

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	3.666.053.832
Trích lập dự phòng bổ sung	4.202.977.132
Số cuối kỳ	7.869.030.964

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Tiền thuê đất	4.000.000.000	620.000.000	(1.949.722.222)	2.670.277.778
Công cụ dụng cụ	1.819.746.503	3.125.876.502	(841.791.275)	4.103.831.730
Chi phí sửa chữa	5.924.203.154	2.283.888.813	(1.718.419.701)	6.489.672.265
Chi phí khác	1.224.917.978	758.865.452	(417.385.044)	1.566.398.386
Cộng	12.968.867.635	6.788.630.767	(4.927.318.242)	14.830.180.160

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

21. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	823.531.240.341	667.849.937.925
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(a)	80.405.359.700	71.188.278.305
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(b)	195.083.613.745	294.376.409.245
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh An Giang ^(c)	180.000.000.000	132.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang ^(d)	168.412.266.896	122.285.250.375
Ngân hàng phát triển Việt Nam - chi nhánh An Giang ^(e)	199.630.000.000	48.000.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	99.907.528.844	94.711.528.844
Ông Doãn Tới ^(f)	2.807.528.844	4.711.528.844
Bà Dương Thị Kim Hương ^(g)	90.000.000.000	90.000.000.000
Công ty TNHH Thanh Thiên ^(h)	7.100.000.000	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.29)	15.558.384.328	6.103.489.661
Cộng	938.997.153.513	768.664.956.430

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương và Công ty TNHH Đại Tây Dương và được đảm bảo bằng 9.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Nam Việt thuộc sở hữu của Ông Doãn Chí Thanh.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.13)
- (c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty (xem thuyết minh số V.11) và Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương.
- (d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.13).
- (e) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị của Công ty TNHH Đại Tây Dương.
- (f) Khoản vay ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động.
- (g) Khoản vay bà Dương Thị Kim Hương để bổ sung vốn lưu động.
- (h) Khoản vay Công ty TNHH Thiên Thanh để bổ sung vốn lưu động.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỉ giá	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	667.849.937.925	1.769.792.269.655	-	(1.617.780.827.906)	3.669.860.667	823.531.240.341
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	94.711.528.844	7.100.000.000	-	(1.904.000.000)	-	99.907.528.844
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	6.103.489.661	-	14.139.763.751	(4.741.478.398)	56.609.315	15.558.384.328
Cộng	768.664.956.430	1.776.892.269.655	14.139.763.751	(1.624.426.306.304)	3.726.469.982	938.997.153.513

22. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp nước ngoài	81.590.188.640	18.250.009.001
Các nhà cung cấp trong nước	98.910.074.829	96.424.940.747
Các nhà cung cấp là công ty có liên quan	229.406.185	303.038.987
Cộng	180.729.669.654	114.977.988.735

23. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng nước ngoài	23.730.033.421	9.888.057.760
Các khách hàng trong nước	1.642.358.910	3.132.891.503
Cộng	25.372.392.331	13.020.949.263

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.353.821.756	(2.353.821.756)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	775.091.786	671.084.759	(113.357.554)	1.332.818.991
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	590.368.422	363.712.429	(356.680.999)	597.399.852
Thuế tài nguyên	-	14.049.240	(14.049.240)	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	1.365.460.208	3.406.668.184	(2.841.909.549)	1.930.218.843

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Cá nguyên liệu	5%
- Mỡ cá, thuê nhà	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.716.270.186)	59.935.256.273
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.361.948.097	14.685.344.098
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.026.950.000)	(38.223.652.048)
Thu nhập chịu thuế	(3.381.272.089)	36.396.948.323
Lỗi các năm trước được chuyển	(172.463.041.880)	(183.724.240.346)
Thu nhập tính thuế	(175.844.313.969)	(147.327.292.023)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

25. Phải trả người lao động

Lương tháng 6 còn phải trả nhân viên.

26. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	1.442.037.424	1.057.545.841
Chi phí dịch vụ	1.611.897.342	-
Cộng	3.053.934.766	1.057.545.841

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp	1.095.104.825	562.919.289
Vật tư, hàng hóa tạm nhập	14.687.675.807	37.953.409.855
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	59.958.409.500	922.684.500
Các khoản phải trả khác	3.302.719.830	2.490.768.391
Cộng	79.043.909.962	41.929.782.035

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	3.245.351.075
Chi quỹ	(1.153.162.629)
Số cuối kỳ	2.092.188.446

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

29. Vay và nợ dài hạn

Thuê tài chính máy móc thiết bị của Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn như sau:

Từ 01 năm trở xuống	15.558.384.328
Trên 01 năm đến 05 năm	39.758.353.019
Tổng nợ	55.316.737.347

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ dài hạn như sau:

Số đầu năm	16.784.725.698
Thuê tài chính trong kỳ	36.986.018.382
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(14.139.763.751)
Chênh lệch tỷ giá	127.372.690
Số cuối kỳ	39.758.353.019

30. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 41.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	9.000.000
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	9.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	394.750	394.750
- Cổ phiếu phổ thông	394.750	394.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu phổ thông	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.162.847.876.048	733.055.465.186
- Doanh thu bán hàng hóa	342.809.610	3.886.729.142
- Doanh thu bán thành phẩm	1.154.236.813.578	727.646.795.709
- Doanh thu bán nguyên liệu	3.944.731.286	1.521.940.335
- Doanh thu khác	4.323.521.574	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(4.376.570.881)	(6.780.690.455)
- Giảm giá hàng bán	(1.362.426.033)	(2.786.400.599)
- Hàng bán bị trả lại	(3.014.144.848)	(3.994.289.856)
Doanh thu thuần	1.158.471.305.167	726.274.774.731
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	342.809.610	3.886.729.142
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.149.860.242.697	720.866.105.254
- Doanh thu thuần bán nguyên liệu	3.944.731.286	1.521.940.335
- Doanh thu thuần khác	4.323.521.574	-

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	280.902.665	3.484.933.400
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	1.028.993.167.837	618.037.098.388
Giá vốn của nguyên liệu đã cung cấp	4.416.355.310	2.789.792.202
Giá vốn khác	4.323.521.574	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.198.565.511)	4.318.187.548
Cộng	1.036.815.381.875	628.630.011.538

⁽ⁱ⁾ Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	813.185.620.464	553.279.812.746
Chi nhân công trực tiếp	39.176.082.428	13.539.260.729
Chi phí sản xuất chung	151.922.189.696	165.626.927.288
Tổng chi phí sản xuất	1.004.283.892.588	732.446.000.763
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.500.879.698	(83.224.732.447)
Tổng giá thành sản xuất	1.020.784.772.286	649.221.268.316
Chênh lệch tồn kho thành phẩm và hàng gửi bán	8.214.615.186	(31.144.231.099)
Xuất khác	(6.219.635)	(39.938.829)
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	1.028.993.167.837	618.037.098.388

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	127.968.023	5.252.421.593
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	77.368.429	300.518.203
Lãi tiền cho vay	7.452.114.020	893.654.939
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.026.950.000	38.223.652.048
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.990.353.934	2.809.207.534
Cộng	13.674.754.406	47.479.454.317

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	32.590.152.789	27.620.021.091
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.089.081.155	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	125.407.632	321.088.153
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	4.202.977.132	(1.128.624.422)
Cộng	38.007.618.708	26.812.484.822

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.293.445	19.151.913
Chi phí nhân công	1.089.414.826	996.830.586
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.266.667	1.519.998
Chi phí hoa hồng	8.014.023.290	2.128.699.309
Chi phí vận chuyển	50.567.335.384	25.100.348.306
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.072.721.694	11.841.204.499
Chi phí khác	1.254.930.503	583.793.595
Cộng	75.053.985.809	40.671.548.206

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.064.183.837	736.899.153
Chi phí nhân công	9.299.626.740	6.608.553.733
Chi phí khấu hao tài sản cố định	717.714.570	945.223.107
Thuế, phí và lệ phí	1.390.401.122	1.037.705.436
Chi phí dự phòng	5.734.139.821	3.013.516.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.928.181.542	1.619.316.893
Chi phí khác	3.509.962.208	2.366.243.724
Cộng	25.644.209.840	16.327.458.151

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.270.909.090
Thu nhập khác	1.824.600.917	2.904.687.877
Cộng	1.824.600.917	4.175.596.967

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình	1.111.222.681	5.308.555.533
Chi phí khác	54.511.763	244.511.492
Cộng	1.165.734.444	5.553.067.025

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	890.196.206.074	569.602.756.238
Chi phí nhân công	61.200.882.558	27.789.002.143
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.940.825.940	4.612.201.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	126.914.928.666	178.201.667.544
Chi phí khác	14.729.244.999	9.239.379.904
Cộng	1.104.982.088.237	789.445.007.120

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cuối kỳ, công nợ liên quan đến việc mua sắm tài sản cố định của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	6.820.440.703	12.987.765.174
Ứng trước mua tài sản	50.472.600	323.508.900

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Công ty đi vay	-	32.739.386.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	82.319.470	142.223.076
Các cá nhân có liên quan khác	352.225.436	-
Cộng nợ phải thu	434.544.906	142.223.076
Hội đồng quản trị	92.807.528.844	94.711.528.844
Cộng nợ phải trả	92.807.528.844	94.711.528.844

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ là 342.273.162 VND (kỳ trước là 233.420.000 VND).

Ngoài ra các thành viên hội đồng quản trị còn dùng tài sản của mình để bảo lãnh cho khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương	Công ty con
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	Công ty con
Cổng ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cổ phần cromit Nam Việt	Công ty cùng chủ đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương		
Bán thành phẩm, bao bì	62.442.669.090	59.338.847.500
Bán nguyên vật liệu	706.800	1.015.000
Lãi cho vay	-	6.899.099
Chi hộ	77.401.253	1.238.121.453
Chi phí gia công	137.859.906.308	106.538.242.140
Mua sản phẩm	(123.897.943)	822.561.465
Chi phí xây dựng cơ bản	-	637.123.005
Mua khác	-	189.077.221
Chi phí vùng nuôi	-	724.379.773
Mượn tiền	-	1.687.068.000
Nhận tiền vay	-	6.457.320.000
Chi phí lãi vay	-	129.878.905
Thu hộ	-	2.234.852
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông		
Bán thành phẩm	194.701.390.352	-
Cho vay	13.980.280.000	-
Mượn tiền	373.543.932	-
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Bán thành phẩm, bao bì, vật tư	4.854.544	6.309.300
Lãi cho vay	514.167	4.000.061
Cho vay	110.000.000	-
Chi hộ	-	73.079.910
Chi phí gia công	-	532.249.972
Mua sản phẩm	3.975.125	3.491.900.900
Chi phí thuê đất	152.115.000	-
Thu hộ	-	1.170.632
Công ty TNHH Thanh Thiên		
Đi vay	7.100.000.000	-
Công ty cổ phần cromit Nam Việt		
Chi hộ	-	115.675.620
Lãi cho vay	-	997.314.776
Cho vay	55.885.000.000	50.121.400.000
Thu hộ	-	17.048.704

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương		
Phải thu tiền bán hàng	21.238.759.878	27.677.765.447
Cho mượn tiền	106.784.982.706	114.824.590.706
Phải thu khác	4.875.894.047	4.875.744.047
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông		
Phải thu bán hàng	172.998.923.931	-
Cho vay	5.813.384.000	1.907.656.000
Phải thu khác	12.054.909	5.639.691
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Phải thu tiền bán hàng	134.093.327.829	134.251.047.594
Cho vay	-	450.000.000
Ứng trước tiền gia công	2.267.038.203	3.767.488.203
Phải thu khác	110.250.000	-
Công ty cổ phần cromit Nam Việt		
Phải thu bán hàng	131.978.361	131.978.361
Phải thu lãi cho vay	11.607.308.039	11.607.308.039
Cho vay	56.628.001.613	6.023.001.613
Phải thu khác	2.054.239.082	2.054.239.082
Cộng nợ phải thu	518.616.142.598	307.576.458.783
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương		
Phải trả tiền hàng	-	73.632.802
Phải trả khác	28.566.565	119.675.103
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Phải trả tiền hàng	229.406.185	229.406.185
Công ty TNHH Thanh Thiên		
Phải trả tiền vay	7.100.000.000	-
Công ty cổ phần cromit Nam Việt		
Phải trả khác	1.000.000	1.000.000
Cộng nợ phải trả	7.358.972.750	423.714.090

Ngoài ra, Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương và Công ty TNHH Đại Tây Dương còn dùng tài sản cố định của mình để bảo lãnh thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	759.932.812.782	578.242.889.244
Trong nước	398.538.492.385	148.031.885.487
Cộng	1.158.471.305.167	726.274.774.731

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc ứng trước tiền hàng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và nhân viên vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.342.236.285	-	-	-	60.342.236.285
Phải thu khách hàng	546.329.771.934	-	-	72.740.511.043	619.070.282.977
Các khoản cho vay	63.175.315.953	-	-	-	63.175.315.953
Các khoản phải thu khác	149.518.146.162	-	-	2.790.077.270	152.308.223.432
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	233.504.000.000	-	-	11.000.000.000	244.504.000.000
Cộng	1.052.869.470.334	-	-	86.530.588.313	1.139.400.058.647
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.233.923.639	-	-	-	74.233.923.639
Phải thu khách hàng	420.721.133.341	-	-	68.699.793.647	489.420.926.988
Các khoản cho vay	9.160.587.953	-	-	-	9.160.587.953
Các khoản phải thu khác	132.796.892.325	-	-	2.760.285.270	135.557.177.595
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	233.504.000.000	-	-	11.000.000.000	244.504.000.000
Cộng	870.416.537.258	-	-	82.460.078.917	952.876.616.175

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	180.729.669.654	-	-	180.729.669.654
Vay và nợ	940.439.190.937	39.758.353.019	-	980.197.543.956
Các khoản phải trả khác	79.560.702.479	-	-	79.560.702.479
Cộng	1.200.729.563.070	39.758.353.019	-	1.240.487.916.089
Số đầu năm				
Phải trả người bán	114.977.988.735	-	-	114.977.988.735
Vay và nợ	769.722.502.271	16.784.725.698	-	786.507.227.969
Các khoản phải trả khác	41.366.862.746	-	-	41.366.862.746
Cộng	926.067.353.752	16.784.725.698	-	942.852.079.450

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 30 tháng 6 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.017.588,93	1.643,73	1.734.764,47	1.648,92
Phải thu khách hàng	10.390.763,35	-	12.030.298,57	-
Các khoản cho vay	-	-	2.000,00	-
Các khoản phải thu khác	5.000,00	-	-	-
Phải trả người bán	(2.877.017,00)	-	(876.224,76)	-
Vay và nợ	(12.189.539,86)	-	(15.691.077,69)	-
(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(2.653.204,59)	1.643,73	(2.800.239,41)	1.648,92

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tình hình tỷ giá ngoại tệ không có biến động lớn trong năm qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	10.000.000.000	300.000,00
Vay và nợ	(621.233.301.824)	(12.189.539,86)	(364.139.916.252)	(15.691.077,69)
(Nợ phải trả) thuần	(621.233.301.824)	(12.189.539,86)	(364.139.916.252)	(15.391.077,69)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 12.424.666.036 VND (kỳ trước giảm/tăng 5.166.400.000 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất vay USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ vay thuần USD có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.342.236.285	-	74.233.923.639	-	60.342.236.285	74.233.923.639
Phải thu khách hàng	619.070.282.977	(69.983.258.178)	489.420.926.988	(64.309.118.357)	549.087.024.799	425.111.808.631
Các khoản cho vay	63.175.315.953	-	9.160.587.953	-	63.175.315.953	9.160.587.953
Các khoản phải thu khác	152.308.223.432	(2.760.285.270)	135.557.177.595	(2.760.285.270)	149.547.938.162	132.796.892.325
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	244.504.000.000	(7.869.030.964)	244.504.000.000	(3.666.053.832)	236.634.969.036	240.837.946.168
Cộng	1.139.400.058.647	(80.612.574.412)	952.876.616.175	(70.735.457.459)	1.058.787.484.235	882.141.158.716

Nợ phải trả tài chính


	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	180.729.669.654	114.977.988.735	180.729.669.654	114.977.988.735
Vay và nợ	978.755.506.532	785.449.682.128	978.755.506.532	785.449.682.128
Các khoản phải trả khác	81.002.739.903	42.424.408.587	81.002.739.903	42.424.408.587
Cộng	1.240.487.916.089	942.852.079.450	1.240.487.916.089	942.852.079.450


Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

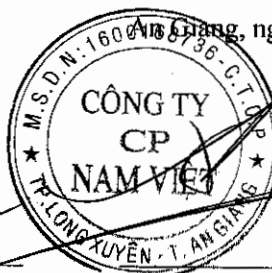
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.


Trần Thị Quý
Người lập biểu


Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng


Đoàn Tới
Tổng Giám đốc



An Giang, ngày 26 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

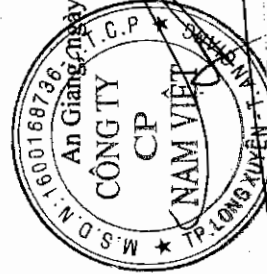
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	132.848.126.634	1.377.395.955.886
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	40.814.636.630	40.814.636.630
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(59.044.725.000)	(59.044.725.000)
Số dư cuối năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	114.618.038.264	1.359.165.867.516
Số dư đầu năm nay	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	114.618.038.264	1.359.165.867.516
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(2.716.270.186)	(2.716.270.186)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(59.044.725.000)	(59.044.725.000)
Số dư cuối kỳ	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	52.857.043.078	1.297.404.872.330

An Giang, ngày 26 tháng 8 năm 2013



Trần Thị Quý
Người lập biểu

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng

Doãn Tới
Tổng Giám đốc